kuà dāng

胯裆

noun · crotch (of pants or body)

Example Sentence

Tā pǎo bù shí bù xiǎo xīn chě pò le kù zi de kuà dāng
他跑步时不小心扯破了裤子的胯裆。

He accidentally tore the crotch of his pants while running.

Trace each character, then write the word on your own.